

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST

Ngày 19-4-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà H. T. T. M.

2. Bà N. T. D.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HS, ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T. H. P**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 11/9/1972 tại thành phố P; nơi thường trú: Số 198 Gác 2 Đ, phường Đ, quận Q, thành phố P; nơi ở hiện tại: Số 80 Phạm Văn Đồng, phường N, thị xã E, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: T. P (chết) và bà: H. T. L (chết); vợ: L. T. H. L (sinh năm: 1973); con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị khởi tố ngày 24.12.2022 và được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường N, thị xã E, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* *Bị hại:* Bà T. T. H – Sinh năm: 1964; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B (có mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Ông N. V. B – Sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B (có mặt).

2. Anh P. V. G – Sinh năm: 1978; nơi cư trú: Số 68 Võ Văn Kiệt, phường

N, thị xã E, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhậu xong, khoảng 12h ngày 04/10/2022, T. H. P và nhóm bạn của P khoảng 5 người tiếp tục đến quán Karaoke Family của bà T. T. H (sinh năm 1964, ở thôn C, xã T, huyện A) hát karaoke và uống bia. Đến khoảng 15h cùng ngày, cả nhóm nghỉ hát, ra tính tiền nhóm không đủ tiền nên còn thiếu bà H 570.000^d, bà H không đồng ý cho thiếu nợ nên hai bên nói qua lại. Lúc này, P đang ngồi trên lan can của quán, bà H đứng đối diện, P nói: “Đề mấy anh em đi về lấy tiền đến trả cô!”, bà H vẫn không đồng ý. P và bà H tiếp tục nói qua lại, bực tức P dùng chân đạp 01 cái trúng vào vùng đầu bà H, rồi P nhảy xuống dùng tay nắm bàn tay trái của bà H giằng co qua lại, làm gãy ngón tay giữa bàn tay trái của bà H. Thấy vậy, nhiều người vào can ngăn, P bỏ đi về, còn bà H được người nhà đưa đến Bệnh viện Phong – Da liễu Trung ương Quy Hòa điều trị.

Hậu quả của vụ án: Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 377/2022/PY-TgT ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, đối với T. T. H, kết luận:

- Chấn thương gây xây xát vùng thái dương trái, đau đầu, không tổn thương xương sọ trên phim chụp cắt lớp vi tính sọ não đã điều trị. Hiện vùng đầu không có dấu vết, điện não đồ biến đổi nhẹ. Tỷ lệ 05% (năm phần trăm);

- Bệnh nhân vào viện van đau tức vùng ngực, không ghi nhận dấu vết thương tích, không tổn thương xương trên phim chụp Xquang đã điều trị. Hiện vùng ngực không có dấu vết. Tỷ lệ 0% (không phần trăm);

- Bệnh nhân vào viện van đau vùng bụng, không ghi nhận dấu vết, không tổn thương tạng trên siêu âm đã điều trị. Hiện vùng bụng không có dấu vết và di chứng. Tỷ lệ 0% (không phần trăm);

- Chấn thương gây sưng nề, biến dạng, mất cơ năng ngón II tay trái, gãy đốt gần ngón III đã phẫu thuật kết hợp xương. Hiện mặt mu bàn-ngón III có vết mổ; biến dạng ngón III, cứng khớp liên bàn ngón. Tỷ lệ 07% (bảy phần trăm).

Căn cứ Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (mười hai phần trăm).

Về vật chứng vụ án: Tạm giữ 01 đĩa CD là đoạn video dài 1p59s liên quan đến vụ gây thương tích ngày 04/10/2022 tại quán Karaoke Family (được đưa vào hồ sơ vụ án).

Về dân sự: Bị hại bà T. T. H kê khai yêu cầu bồi thường các khoản (có chứng từ và không có chứng từ) với tổng số tiền là 68.680.000^d (sáu mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng), bị cáo vẫn chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSPC, ngày 15/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo T. H. P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. H. P về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T. H. P phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 134, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo T. H. P với mức án tù từ 09 đến 12 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Không. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu bồi thường 36.000.000^d (ba mươi sáu triệu đồng) cho phía người bị hại.

Trong phần tranh luận, bị cáo T. H. P không có tranh luận gì. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo đã xin lỗi gia đình bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước

Tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong lúc tính tiền hát karaoke, T. H. P đã dùng chân đạp trúng 01 cái vào vùng đầu và dùng tay bẻ làm gãy đốt ngón III bàn tay trái của bà H, gây ra thương tích cho bà H với tổng tỷ lệ tổn thương là 12% vào khoảng 15h ngày 04/10/2022, tại quán Karaoke Family ở thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B.

Hành vi của bị cáo T. H. P là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa P nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện là cố ý, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo T. H. P về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo T. H. P phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa P.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo T. H. P phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, không có phạm tội nào khác. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để quyết định mức hình phạt phù hợp cho bị cáo. Tuy nhiên qua quá trình điều tra và xét xử vụ án thấy rằng thái độ của bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải, do đó cũng cần phải xử lý thích đáng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

5.1. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà T. T. H đã tiến hành điều trị các thương tích với tổng chi phí 71.793.000^d (bảy mươi một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) đã kê khai trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bà T. T. H chỉ yêu cầu bồi thường 50% với tổng số tiền là 36.000.000^d (ba mươi sáu triệu đồng). Xét thấy khoản tiền này phù hợp với các khoản chi phí có chứng từ như tiền khám, điều trị, các chi phí thực tế hợp lý khác cũng như tổn thất về tinh thần, đây là yêu cầu chính đáng nên buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo đã chấp nhận việc bồi thường và đã đưa cho người bị hại nhận 7.000.000^d (bảy triệu đồng). Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, đồng thời áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là khắc phục một phần hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Vậy, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà T. T. H số tiền 36.000.000^d (ba mươi sáu triệu đồng). Bị cáo đã bồi thường 7.000.000^d (bảy triệu đồng) nên buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường phần còn lại là 29.000.000 (hai mươi chín triệu đồng) cho người bị hại.

5.2. Về xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T. H. P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T. H. P phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo T. H. P **10 (mười) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T. H. P phải bồi thường cho bị hại bà T. T. H tổng số tiền 29.000.000^d (hai mươi chín triệu đồng).

3.2. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo T. H. P phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.450.000^d (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L